TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2026/DS-ST
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Đoàn Thị Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 27/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2026/QĐST-DS ngày 10/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn S, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

Bị đơn: Bà Hứa Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/2/2020 bà có cho bà Hứa Thị L vay số tiền 47.000.000 đồng, vay trả góp, cụ thể mỗi tháng trả 3.400.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất. Đối với khoản vay này bà L đã trả cho bà được 13.000.000 đồng sau đó không trả nữa, trả ngày nào cụ thể bà không nhớ.

Ngày 01/3/2020 bà L vay thêm 30.000.000 đồng, và hứa đến ngày 20/8/2020 sẽ trả đủ cho bà số tiền này. Nhưng đến nay đã 05 năm mà bà L vẫn không chịu trả tiền. Mặc dù bà rất nhiều lần đòi tiền, nhưng bà L cứ khất hết lần này đến lần khác.

Sau đó bà khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền đã vay cho bà và được Tòa án thụ lý. Trong vụ án này bà L đã có ý kiến đối với nội dung mà bà khởi kiện gửi cho Tòa án vào ngày 12/11/2025. Vì một số lý do bà đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với vụ án này.

Nay xét thấy hành vi của bà L là cố tình không trả tiền cho bà, muốn chiếm đoạt tài sản của bà nên bà khởi kiện lại vụ án.

Đối với ý kiến của bà L trong Bản tự khai ngày 12/11/2025 mà Tòa án thu thập từ hồ sơ dân sự thụ lý số: 125/2025/TLST-DS ngày 22/10/2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bà có ý kiến như sau: Từ ngày 21/02/2020 đến nay bà L mới trả cho bà được 13.000.000 đồng. Việc bà L cho rằng đã trả cho bà 44.000.000 đồng là không đúng. Tổng số tiền bà L còn nợ là 64.000.000 đồng. Việc vay mượn giữa bà và bà L không liên quan đến ai.

Nay bà N yêu cầu bà Hứa Thị L phải trả số tiền 64.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 13/11/2025 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bà N giữ nguyên quan điểm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.000.000 đồng tiền gốc và lãi của số tiền này.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ghi nhận ý kiến của bị đơn trong Bản tự khai ngày 12/11/2025 mà Tòa án thu thập từ hồ sơ dân sự thụ lý số: 125/2025/TLST-DS ngày 22/10/2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" như sau:

Bà và bà Lê Thị N nguyên là chỗ quen biết thân quen nhiều năm. Vào khoảng năm 2020 bà có mượn của bà N 02 lần tổng số tiền là 77.000.000đ *(Bảy mươi bảy triệu đồng).* Về lãi suất các bên không thỏa thuận lãi. Sau khi vay, bà đã trả nợ cho bà N làm nhiều lần, với tổng số tiền là 44.000.000đ *(Bốn mươi bốn triệu đồng)*. Các lần trả nợ, bà tin tưởng bà N là chỗ thân tình nên không yêu cầu bà N ký xác nhận. Nhưng qua trò chuyện với bà N, bà N đã thừa nhận đã nhận số tiền này từ bà. Bà đã ghi âm lại, bà sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Nay, bà N khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 77.000.000 đồng bà hoàn toàn không đồng ý. Bởi lẽ, bà đã trả cho bà N được 44.000.000 đồng rồi. Bà chỉ còn nợ 33.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền còn nợ là 33.000.000

đồng. Vì hiện nay, bà không có công việc ổn định, đất đai vườn rẫy không có, thu nhập rất thấp, hoàn cảnh rất khó khăn và đề nghị được trả làm 6 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/01/2026 trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Lần 2: Ngày 30/04/2026 trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Lần 3: Ngày 30/07/2026 trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Lần 4: Ngày 30/10/2026 trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Lần 5: Ngày 30/01/2027 trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Lần 6: Ngày 30/04/2027 trả số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng);

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Hứa Thị L. Buộc bà Hứa Thị L phải trả cho bà Lê Thị N số tiền 66.921.000 đồng *(trong đó: 64.000.000 đồng tiền gốc và 2.921.600 đồng tiền lãi).* Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 64.000.000đ *(Sáu mươi bốn triệu đồng)* và lãi theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; bị đơn cư trú tại xã Q, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về sửa đổi, bổ sung một số

điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Về tố tụng: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Trong Giấy cam kết ngày 21/02/2020 thể hiện bị đơn vay nguyên đơn 02 lần tổng số tiền 47.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trả góp mỗi tháng 3.400.000 đồng, ngoài ra không có thỏa thuận nào khác về thời hạn trả nợ. Mặt sau của Giấy cam kết này thể hiện bị đơn đã trả cho nguyên đơn 03 lần tổng số tiền 13.000.000 đồng.

Trong Giấy vay tiền ngày 01/3/2020 thể hiện bị đơn vay nguyên đơn 30.000.000 đồng, hẹn ngày 20/8 trả. Như vậy, các bên không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả số tiền 30.000.000 đồng đã vay.

Nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và được Tòa án thụ lý bằng vụ án dân sự số: 125/2025/TLST-DS ngày 22/10/2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong vụ án này bị đơn đã có ý kiến phản hồi đối với nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và gửi cho Tòa án vào ngày 12/11/2025. Như vậy, HĐXX đủ căn cứ xác định bị đơn đã biết đến việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vào ngày 12/11/2025 và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ thời gian này.

[3.2]. Về số tiền vay gốc:

Các đương sự đều thừa nhận năm 2020 nguyên đơn cho bị đơn vay tổng số tiền gốc 77.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay với nhau, không thỏa thuận lãi suất. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả 13.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 64.000.000 đồng tiền gốc.

Bị đơn cho rằng đã trả 44.000.000 đồng tiền gốc nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 44.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp.

Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 64.000.000 đồng.

[3.3]. Về tiền lãi:

Các bên đều thừa nhận khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 13/11/2025 đến khi xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc 64.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

Cụ thể bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi như sau: 64.000.000đồng x 10%/năm x 5 tháng 15 ngày = 2.933.000 đồng.

[3.3]. Về thời hạn trả nợ: Trong lời khai ngày 12/11/2025 bị đơn xin được trả nợ làm nhiều lần cho đến khi trả xong. Tuy nhiên, trong vụ án này bị đơn không tham gia tố tụng nên các bên không thống nhất được về thời hạn và phương thức trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc bị đơn đưa ra ý kiến xin trả dần nhưng lại không tham gia giải quyết vụ án, không có thiện chí trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn trả ngay số nợ gốc còn lại và lãi cho nguyên đơn mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[3.4]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 13.000.000 đồng tiền gốc và lãi của số tiền này do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa

án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với bà Hứa Thị L.

Buộc bà Hứa Thị L phải trả cho bà Lê Thị N 66.933.000đ *(Sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng),* trong đó 64.000.000đ *(Sáu mươi bốn triệu đồng)* tiền gốc và 2.933.000đ *(Hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 13.000.000 đồng tiền gốc và lãi của số tiền này do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Hứa Thị L phải nộp 3.347.000đ *(Ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị N 1.925.000đ *(Một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000755 ngày 31/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;

- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Xuân

TAND KHU VỰC 7

WMQ280426.TL.QDBA
846